

TỔNG HỢP GÓP Ý DỰ THẢO
“KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
– ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020, TẦM NHÌN ĐẾN 2030”

Căn cứ công văn số 514/CV-ĐHNL ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường đại học Nông Lâm gửi các đơn vị trực thuộc về việc “triển khai góp ý kiến dự thảo chiến lược phát triển Trường Đại học Nông lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030”.

Căn cứ vào các biên bản góp ý của các đơn vị trực thuộc, Phòng TCHC xin tổng hợp các ý kiến đóng góp cho bản dự thảo “*Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030*” như sau:

Tổng số biên bản góp ý của các đơn vị trực thuộc: 10/22 đơn vị (Phòng TCHC; Phòng ĐTĐH; TTTT. Thư viện; Khoa Chăn nuôi thú y; Khoa Nông học; Khoa KN&PTNT; Khoa TNĐ&MTNN; Khoa Cơ bản; khoa Cơ khí Công nghệ; Phòng CSVC).

Các góp ý chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản, chúng tôi không tổng hợp vào đây.

A. Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho dự thảo sau cùng như sau:

1. Khoa CNTY

+ *Ưu điểm*: Nhà trường đã có quá trình tổ chức thực hiện hơn 1 năm qua, đảm bảo thời gian để cho Ban soạn thảo có thể chuẩn bị kỹ lưỡng, lấy ý kiến góp ý của Ban Giám hiệu, Thường vụ Đảng ủy và CBVC-LĐ trong toàn trường để hoàn thiện “Chiến lược phát triển trường ĐHNL-ĐH Huế giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030”.

+ *Những điểm hạn chế cần cải thiện và bàn bạc thêm*:

- Về tổng thể: Nội dung, bố cục, cách tiếp cận và cách viết chưa thể hiện rõ đây là bản “Chiến lược phát triển” hay “Kế hoạch phát triển” và chưa toát lên được tinh thần của một bản “Chiến lược”. Nếu coi đây là bản chiến lược thì hơi dài, nhưng coi đây là bản “Kế hoạch phát triển” thì chưa cụ thể”. Điều này còn thể hiện trong cách trình bày văn bản (trang 10): khi thì ghi “Ban xây dựng quy

hoạch phát triển”, khi thì ghi “Ban xây dựng chiến lược phát triển”. Ngoài bì là thì ghi là “Chiến lược phát triển”, trong khi Phần 2 (trang 10) thì ghi: “Định hướng qui hoạch phát triển...”

- Sứ mạng của nhà trường là đào tạo... nhưng trong bản chiến lược này chưa chỉ ra được “Triết lý đào tạo” cho phù hợp với hiện tại và tương lai.
- Cách tiếp cận để viết Bản chiến lược này phải hướng tới 4 mảng chủ đạo để vận hành nhà trường hướng tới việc đảm bảo: **đạy** tốt, **học** tốt, **ngiên cứu khoa học** tốt, và **phục vụ** tốt cho 3 nhiệm vụ vừa đề cập để cho ra sản phẩm đào tạo có chất lượng.
- Tầm nhìn “đến năm 2020, trường ĐHNL Huế là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp nông thôn” là không cần thiết vì hiện nhiên trường ta đã và đang ở hàng đầu trong cả nước rồi.
- Về việc xây dựng trường đạt chuẩn theo định hướng nghiên cứu là xu thế tất yếu của các trường đại học trên thế giới, Nhưng chúng ta cần cân nhắc các giải pháp dựa trên thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu và qui mô đào tạo. Mục tiêu đến năm 2020 ổn định qui mô đào tạo 10.000 sinh viên/500 cán bộ viên chức vào lao động (trong đó có 400 giảng viên). Như vậy tỉ lệ sinh viên/giảng viên còn cao, giảng viên phải giảng dạy quá tải, lấy đâu ra thời gian nghiên cứu. Vì vậy, cần phải cân nhắc giảm qui mô đào tạo còn khoảng 8.000 là vừa phải.
- Chỉ tiêu đến năm 2020 có 30% học viên sau đại học/10.000 sinh viên , có nghĩa là có 3000 học viên sau đại học (gấp gần 4 lần so với hiện tại) là không khả thi, cần tính toán lại.
- Cần đánh giá lại bối cảnh quốc tế và trong nước một cách ngắn gọn và chú trọng vào sự chuyển dịch của ngành nông nghiệp để xác định mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập. Mặt khác, cần xác định những thế mạnh vốn có kết hợp với dự báo để xác định khoa/ngành mũi nhọn cần tập trung đầu tư tạo thương hiệu cho nhà trường.
- Nên tổ chức hội thảo mời các chuyên gia độc lập, các cán bộ có kinh nghiệm lãnh đạo quản lý của nhà trường qua các thời kỳ góp ý kiến **trực tiếp** để cho Ban xây dựng chiến lược phát triển của trường **tiếp thu hết ý tưởng**, chọn lọc những ý kiến phù hợp nhằm hoàn thiện tốt hơn Chiến lược phát triển của nhà trường.

2. Phòng TCHC

Phòng TCHC là đơn vị đầu mối và Tiểu ban thư ký soạn thảo “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 –

2020, tầm nhìn đến 2030” theo sự phân công của Ban xây dựng đề án, của Hiệu trưởng và Thường vụ Đảng ủy. Qua quá trình biên soạn, Phòng cũng xin đóng góp một số ý kiến cho bản dự thảo như sau:

- Về việc đổi tên trường thành "Trường đại học Khoa học sự sống": Chưa đủ căn cứ khoa học để đề xuất đổi tên trường cả về mục tiêu cũng như nội hàm. Đổi tên trường mới thủ tục phức tạp; Khái niệm "Khoa học sự sống" đối với một trường kỹ thuật, trong đó có nhiều ngành không thuộc lĩnh vực này thì để họ ở đâu?, thay đổi cơ cấu tổ chức của Trường tức là có sự xáo trộn lớn..; Có lẽ không nên vì một vài trường nước ngoài có tên như vậy mà ta lại áp dụng theo khi bối cảnh và điều kiện hoàn toàn khác nhau..

- Đã bỏ mất tiến trình cụ thể để đi đến tự chủ theo xu thế hiện nay của Giáo dục ĐH VN; Đã bỏ định hướng trở thành “Trường Đại học nghiên cứu” hay chưa?

- Một số nội dung của KHCLPT trường có cần bổ sung, cập nhật đầy đủ và phù hợp với Chiến lược phát triển của địa phương TTH và miền Trung - Tây Nguyên (vùng trọng điểm ĐT-NCKH), ngành NN-PTNTNT (tái cơ cấu ngành NN và PTNT), Bộ GD&ĐT (Đổi mới căn bản và toàn diện, Chương trình hành động của Bộ GD&ĐT; Chiến lược phát triển giáo dục 2010-2020 ban hành theo quyết định số 2825/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Xác định mục tiêu, giải pháp xây dựng một nền giáo dục theo hướng đa dạng hoá, chuẩn hoá và xã hội hoá;); KHCLPT của Đại học Huế. Các ý này là theo góp ý của chuyên gia về đánh giá ngoài.

- Một số giải pháp đề ra vẫn còn định tính nên có thể định lượng hơn không hay cũng như các Nghị quyết?

- Chưa cập nhật các bài học kinh nghiệm trong việc đánh giá “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2010 – 2015, tầm nhìn đến 2020”.

- Đặc biệt hầu như các ý kiến góp ý chỉ tập trung vào văn bản chính, chưa xem xét đến các chỉ tiêu cụ thể (về quy mô, về nhân sự, về tự chủ..) trong các Phụ lục dự báo chiến lược theo từng năm giai đoạn 2015-2020 cũng như tầm nhìn đến 2030.

Ví dụ:

.....2.6.1.2. Các giải pháp

- Chuyên đổi trường sang hướng của trường đại học khoa học sự sống:

+ Xây dựng kế hoạch, tiến hành đổi tên Trường thành trường “khoa học sự sống”

2.6.3.2. Các giải pháp

+ Nâng cao tính chống chịu của hệ thống. *Hệ thống gì?*

+ Thế giới một sức khỏe. ??? *Khái niệm không rõ ràng cho một văn bản.*
+ An toàn thực phẩm cho sức khỏe tốt hơn. ??

2.6.6.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020.....

- Hệ thống phòng thí nghiệm cơ bản đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo của Nhà trường.

.....

- Nguồn thu đảm bảo cho các hoạt động của Nhà trường và cơ chế quản lý phân phối tài chính phát huy được hiệu quả công việc. *(Hiện tại nguồn thu là chưa chủ động được và chưa thể XD kế hoạch trung kỳ (2-2,5 năm, 5 năm sau?))*

Ngoài ra Phòng TCHC đề nghị lưu ý về lỗi chính tả (dấu hỏi, ngã..), câu chữ văn phong cần hoàn thiện hơn cho bản chiến lược.

3. Khoa Cơ bản:

+ Đánh giá cao sự chuẩn bị chu đáo của Ban soạn thảo.

+ **Đồng ý những nội dung cơ bản** đã được soạn thảo trong Dự thảo, **đặc biệt nhất trí với chỉ tiêu chính đến năm 2020 (mục 2.6.1.1):** “Gắn kết được khoa học cơ bản vào các khoa chuyên môn để vừa kết hợp đào tạo kiến thức cơ bản, nhưng đồng thời không tách rời với kiến thức chuyên môn từng ngành học cho sinh viên và giảng viên, gắn giảng dạy cơ bản với nghiên cứu khoa học chuyên môn các khoa”.

+ Đề nghị thay câu: “Đưa các bộ môn khoa học cơ bản về các khoa chuyên môn phù hợp để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, gắn đào tạo cơ bản với kiến thức chuyên môn.” (mục 2.6.1.2, trang 17 của Dự thảo) bằng câu “Tích cực đổi mới nội dung, chương trình các môn khoa học cơ bản để gắn kết với các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường”.

Lý do thay đổi như sau: Đưa các BM của khoa về khoa chuyên ngành chỉ là một trong số các giải pháp để nâng chất lượng các môn học cơ bản; tuy nhiên, giải pháp này có thể ảnh hưởng đến quản lý đào tạo; Khoa cũng đã thảo luận để đưa ra các giải pháp thay thế việc đưa các Bộ môn khoa học cơ bản về các khoa chuyên môn nhưng vẫn đạt mục tiêu Nâng cao chất lượng và gắn cơ bản với chuyên môn nghề nghiệp. Những giải pháp cơ bản:

+ Rà soát lại các học phần về cả nội dung và dung lượng để loại bỏ một số học phần hoặc nội dung HP không liên quan nhiều đến chuyên môn của Trường (dự kiến HK 1 năm học 2016-2017);

+ Soạn lại đề cương học phần, tùy theo tính chất của mỗi học phần mà thời lượng bổ sung các ví dụ chuyên ngành đảm bảo 15-30% (dự kiến hết năm học 2016-2017).

+ Đưa nội dung giảng mới của các học phần vào năm học 2017-2018.

+ Mỗi giáo viên khoa Cơ bản phải tìm hiểu ít nhất 2 chuyên ngành liên quan đến môn mình đảm nhiệm để lấy minh họa cho phần giảng dạy lý thuyết (dự kiến từ năm học 2016-2017). Khoa sẽ xin ý kiến nhà trường và phối hợp các khoa chuyên môn để có danh sách cụ thể từng giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn với từng khoa.

+ Cuối năm học 2016-2017, khoa sẽ đánh giá lại kết quả của các giải pháp để rút kinh nghiệm và tiếp tục cải tiến cho đến khi sinh viên đánh giá tốt chất lượng giảng dạy các môn học khoa học cơ bản.

+ Về nghiên cứu khoa học: Tăng cường phối hợp với các Khoa chuyên môn trong công tác nghiên cứu khoa học. Đến hết năm học 2016-2017, mỗi Bộ môn có chương trình phối hợp với ít nhất 2 Khoa chuyên môn trong công tác nghiên cứu khoa học.

4. Khoa Nông học

Các góp ý cho nội dung văn bản....

Mục 2.4.2. Tầm nhìn....

.....Đến năm 2020, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đến 2025 trở thành trường đại học tự chủ toàn diện và đạt chuẩn trường đại học theo định hướng nghiên cứu. Đến 2030 là trường đại học trọng điểm, chất lượng cao, xếp hạng cao trong đào tạo và nghiên cứu, chuyên giao khoa học và công nghệ của cả nước và khu vực về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Trường đại học hàng đầu về nông nghiệp nông thôn! Là xếp hàng thứ mấy của cả nước?

Xếp hạng cao! Xếp thứ bao nhiêu? hay là tốp bao nhiêu?

+ Mục 2.5.1. Mục tiêu chung...

.....Đến năm 2020, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng và khoa học sự sống nói chung trong cả nước.

Cũng cần làm rõ mục tiêu ở đây là hàng đầu là hàng bao nhiêu, tổng bao nhiêu, trong mục tiêu chung nên cụ thể từ mức nào đến mức nào?

Các chỉ tiêu chỉ cụ thể chỉ mới đến năm 2020, (còn 4 năm), chưa thấy các giải pháp dài hạn để thấy là sẽ đạt được tầm nhìn đến năm 2030.

+ Mục 2.6.3.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020....

- Nâng nhanh số lượng các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Hàng năm thực hiện được 1 - 3 đề tài/dự án khoa học công nghệ cấp Quốc gia, 5 - 10 đề tài/dự án khoa học công nghệ cấp Bộ; 5 - 10 đề tài/dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh và các đề tài/dự án liên kết khác.

Nâng cao số lượng và chất lượng các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ....

- Từ 2016 đến 2020 có từ 8 - 10 sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ được chuyển giao, có giá trị khoa học cao hoặc giá trị thị trường được công nhận.

- Từ 2016 đến 2020 có từ 8 - 10 sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ được chuyển giao, có giá trị khoa học cao và được thị trường/thực tiễn sản xuất công nhận.

5. Khoa TNĐ&MTNN

.....Về mục tiêu chung

....Cần làm rõ mục tiêu ở đây là hàng đầu là hàng bao nhiêu, tổng bao nhiêu, trong mục tiêu chung nên cụ thể từ mức nào đến mức nào?

.....Mục 2.6.3.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

- Mục “Ổn định quy mô đào tạo đại học, tăng quy mô đào tạo sau đại học, với số lượng trong trường là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm khoảng 30%. Chỉ tiêu 1, tức ổn định khoảng 3000 học viên sau đại học...Tuy nhiên, chỉ tiêu thứ hai: “- Đến 2020, tuyển mới hàng năm trình độ đại học hệ chính qui là 2.500 sinh viên (tăng 6%/năm), trình độ sau đại học là: 500 học viên cao học (tăng 20% năm) và 50 nghiên cứu sinh (tăng 50% năm)”. **Quy mô sau đại học tăng nhanh như vậy, liệu có khả thi không?**

- Mục tiêu cụ thể cuối cùng “ Tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ và đào tạo; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính vào năm 2025”. Trong đề án

chưa thấy giải pháp chiến lược thực hiện mục cụ thể tự chủ tài chính và các mục tiêu cụ thể chưa thể hiện cho tầm nhìn đến 2030, mới chỉ tập trung đến 2020.

- Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội: chỉ tiêu cần đạt là gì? có cần đưa vào mục tiêu này các chỉ tiêu cần đạt?

6. Phòng ĐTDH:

.....1.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

Ghi là Trường Đại học Nông nghiệp 2 Hà Bắc

Toàn bộ các nhóm ngành đào tạo tại trường nên gom thành: Nông, Lâm nghiệp và thủy sản; Công nghệ - Kỹ thuật; sản xuất và chế biến; quản lý tài nguyên môi trường

Thay cụm từ Nông - Lâm - Ngư nghiệp thành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

1.2.1.2. Nhân sự

Bỏ đoạn (trong đó có một số là học viên cao học sắp nhận học bằng thạc sĩ)

PHẦN 2

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

2.3. CĂN CỨ XÂY DỰNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

Các căn cứ cần bổ sung thêm năm, ngày tháng. Vì nhiều nghị quyết, quyết định, thông thư có số giống nhau nhưng mốc thời gian khác nhau

2.5.1. Mục tiêu chung và 2.5.2. Mục tiêu cụ thể

- Bỏ đoạn: nói riêng và **khoa học sự sống** nói chung trong cả nước. Từ **khoa học sự sống** theo Quy định về mã ngành (5242) chủ yếu là **sinh học** - khoa học cơ bản

- 30% (tức là quy mô 3.000) là sau đại học trong quy mô 10.000 người học là quá-rất cao. Hiện tại chỉ khoảng 6% sau đại học trong tổng số người. Đề xuất đưa về khoảng 10% (như đề xuất trước đây)

- Sửa lại câu: Tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ và đào tạo; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính vào năm 2025 thành: Tăng nguồn thu từ hoạt động **đào tạo** và khoa học và công nghệ; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính vào năm 2025. Vì các hoạt động KH-CN chủ yếu là thu để chi

2.6.1.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

Tham khảo thêm các ngành thuộc khối Khoa học sự sống và không nên sử dụng
cum từ này trong suốt văn bản

5242 Khoa học sự sống

524201 Sinh học

52420101 Sinh học

524202 Sinh học ứng dụng

52420201 Công nghệ sinh học

52420202 Kỹ thuật sinh học*

52420203 Sinh học ứng dụng

2.6.1.2. Các giải pháp

- Nội dung phía dưới không thấy liên quan đến câu: *Chuyển đổi trường sang hướng đa ngành, trong đó cốt lõi là các ngành học về khoa học sự sống*: Thực tế Trường đã là đa ngành (23 ngành) và đa lĩnh vực (7 lĩnh vực: Nông, Lâm nghiệp và thủy sản; Kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Môi trường và bảo vệ môi trường; Khoa học tự nhiên)

- Việc đưa bộ môn khoa học cơ bản về các khoa chuyên môn cần xem xét kỹ, vì: hiện có các bộ môn Toán tin, Vật lý, Hóa, Sinh. Trước đây, trường cũng đã có đưa về nhưng không thành công do sinh hoạt chuyên môn, hòa nhập... Thay vì đưa về khoa chuyên môn, cần rà soát lại chương trình khối kiến thức đại cương (như POHE hiện nay). Cơ cấu lại tổ chức các bộ môn đa năng hơn trong nội bộ khoa Cơ bản.

2.6.2.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

- Ổn định quy mô đào tạo đại học, tăng quy mô đào tạo sau đại học, với số lượng trong trường là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm khoảng 30%.

- Đến 2020, tuyển mới hàng năm trình độ đại học hệ chính quy là 2.500 sinh viên (tăng 6%/năm), trình độ sau đại học là: 500 học viên cao học (tăng 20% năm) và 50 nghiên cứu sinh (tăng 50% năm).

Như đã góp ý ở trên:

Quy mô 10.000 và SDH khoảng 10% tức là 9.000 ĐH và 1.000 SDH

Lý do chỉnh sửa chỉ tiêu này là nếu theo Dự thảo thì ĐH là 7.000 và SDH là 3.000

Tính toán:

*** Về Đào tạo đại học

- Trường có 23 ngành trong đó có 3 ngành đào tạo 5 năm
- Tuyển sinh khoảng 2.500 *4 năm = Quy mô 10.000; cộng 3 ngành đào tạo 5 năm chuyển sang khoảng 400 = 10.400 sinh viên đại học

*** Về sau đại học

- Cao học đào tạo 2 năm, TS 500 thì quy mô là 1.000 học viên
- TS: đào tạo 3 năm, TS 50, quy mô là 150 học viên

Như vậy: Sau đại học quy mô là 1.150

Đề xuất:

- Tuyển sinh Đại học là khoảng 2.200 hàng năm
- Sau đại học giữ nguyên

Về Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng khoa học sự sống, có sự giao thoa, chuyển đổi giữa các ngành/chuyên ngành. **Câu này viết lại vì Tuyển sinh theo ngành**

2.6.3.2. Các giải pháp

Bỏ cụm từ : *Thế giới một sức khỏe*; cụm từ này không rõ, chỉ phù hợp y và thú y hơn, không đại diện cho các ngành nghề của trường

7. Khoa KNPTNT

+.....Mục 2.5.2 mục tiêu cụ thể (trang 15): nên bổ sung thêm cụm từ tiếng Anh(Life science university) để dễ hiểu và tăng tính thuyết phục.

+.....Mục tiêu 2 “Ổn định quy mô đào tạo là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm 30%, có ít nhất 3 chương trình đào tạo tiên tiến” Có khả thi không? có cơ sở để đưa ra con số này không? đặc biệt là tỷ lệ sau đại học.

+.....Mục tiêu cụ thể của chiến lược là những chỉ tiêu phát triển ở các mục Giải Pháp chiến lược trùng nhau, nhiều chỉ tiêu trong các giải pháp không tập trung cho mục tiêu cụ thể nào. Các mục tiêu cụ thể là những chỉ tiêu cần đạt do vậy mục tiêu cụ thể chưa có tính bao quát. Một số chỉ tiêu cần đạt ở các giải pháp phát triển thì đáp ứng mục tiêu lâu dài và mục tiêu cụ thể như thế nào. Một mục tiêu cụ thể có một nhóm các chỉ tiêu cần đạt... do vậy nên phát biểu để mục tiêu cụ thể theo lĩnh vực và đi kèm với nó là các chỉ tiêu cần đạt. Người đọc thấy lẫn lộn giữa mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu ở các giải pháp.

Ví dụ: **2.6.2.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020**

+.....Ổn định quy mô đào tạo đại học, tăng quy mô đào tạo sau đại học, với số lượng trong trường là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm khoảng 30%.

+.....Mục tiêu cụ thể cuối cùng “ Tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ và đào tạo; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính vào năm 2025”.

Trong đề án chưa thấy giải pháp chiến lược thực hiện mục cụ thể tự chủ tài chính và các mục tiêu cụ thể chưa thể hiện cho tầm nhìn đến 2030, mới chỉ tập trung đến 2020.

+..... Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội: chỉ tiêu cần đạt là gì? có cần đưa vào mục tiêu này các chỉ tiêu cần đạt?

+..... Mục 2.6.5.2 trang 23: Điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng theo hướng chú trọng nâng cao chất lượng: Căn cứ vào kết quả học phổ thông trung học, kết quả thi tốt nghiệp phổ thông trung học, kết quả học đại học, sau đại học và các kiến thức kỹ năng bổ trợ khác như ngoại ngữ, tin học,...của ứng viên

8. Khoa Cơ khí – Công nghệ

+.....Mục: 2.5.2. Mục tiêu cụ thể:

1. Nhà trường cần xem lại tính khả thi của mục tiêu thứ hai (trang 16): “- Ổn định quy mô đào tạo là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm 30%, có ít nhất 3 chương trình đào tạo chất lượng cao”. Tỷ lệ sau đại học chiếm 30% tức khoảng 3000 học viên sau đại học. Trước bối cảnh nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động theo định hướng ứng dụng; Các cơ quan tổ chức đang có xu hướng tinh giản biên chế; trang thiết bị phục vụ nghiên cứu còn quá hạn chế... Vì vậy, Khoa CKCN đề nghị chỉ tiêu này nên giảm xuống (20-25 %);

+Mục: 2.6.2. Phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và bối cảnh hội nhập trong nước và quốc tế, gắn kết với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

2.6.2.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

“- Ổn định quy mô đào tạo đại học, tăng quy mô đào tạo sau đại học, với số lượng trong trường là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm khoảng 30%. Chỉ tiêu 1, tức ổn định khoảng 3000 học viên sau đại học...

Tuy nhiên, chỉ tiêu thứ hai: “- Đến 2020, tuyển mới hàng năm trình độ đại học hệ chính quy là 2.500 sinh viên (tăng 6%/năm), trình độ sau đại học là: 500 học viên cao học (tăng 20% năm) và 50 nghiên cứu sinh (tăng 50% năm)”. Quy mô sau đại học tăng nhanh như vậy, liệu có khả thi không?

+.....Mục: 2.6.2. Phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và bồi dưỡng hội nhập trong nước và quốc tế, gắn kết với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

2.6.2.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

Chỉ tiêu thứ năm: “- Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng khoa học sự sống, có sự giao thoa, chuyển đổi giữa các ngành/chuyên ngành”. Chỉ tiêu này, Nhà trường gần như định hướng quan tâm đến chuyên ngành khoa học sự sống, trong khi trong nhiều ngành đào tạo trong Trường thiên về kỹ thuật (Cơ khí, Cơ sở hạ tầng, cơ điện tử, chế biến lâm sản, quản lý đô thị ... Thế thì, trong các chỉ tiêu của Nhà trường, các chuyên ngành kỹ thuật này gần như không nhắc đến định hướng phát triển?

+.....Mục: 2.6.5. Phát triển đội ngũ với kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng sự thay đổi căn bản trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

2.6.5.1. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020

Chỉ tiêu: “- Đến 2020 sẽ có 500 cán bộ viên chức và lao động, trong đó có 400 giảng viên và nghiên cứu viên đạt chuẩn thạc sĩ trở lên; trong đó có 50% giảng viên đạt trình độ tiến sĩ; 20% giảng viên đạt học hàm từ phó giáo sư trở lên”.

Trong phần giải pháp cần bổ sung: ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ cao (tiến sĩ).

Đề nghị làm rõ: định hướng nghiên cứu trong điểm: “Thế giới một sức khỏe”

9. TT.Thông tin Thư viện

1.2.2.1. Hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị

...

“Thư viện: Tổng số đầu sách có trong thư viện là trên 10.000 đầu sách, trong đó:

- Sách mới xuất bản sau năm 1980: 5.500 đầu sách,

- Tổng số lượng sách (không kể giáo trình): 72.000 bản,
- Số lượng đầu sách do trường xuất bản năm 2005 - 2010: 70 sách
- Số loại tạp chí tham khảo đặt mua hàng năm trên 30 loại.

Trang WEB <http://www.huaf.edu.vn> đã có số lượng truy cập hơn 7.000.000 lượt, với 08 lines đến các trang WEB của các khoa. Trang web của nhà trường đã thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác điều hành quản trị, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Nhà trường đã áp dụng hệ thống các phần mềm tích hợp Quản lý giáo dục dùng trong quản trị nhà trường. Mạng internet đã được phủ sóng wifi đến toàn bộ 21 đơn vị đầu mối và các khu giảng đường trong toàn trường”.

Thay thế nội dung phần “Thư viện” ở trên bằng nội dung sau:

Trung tâm Thông tin Thư viện: Tổng số đầu sách có trong thư viện là 5.475 đầu sách với 24.373 bản sách, trong đó:

- 5.175 đầu sách tiếng Việt và 300 đầu sách tiếng Anh.
- Sách giáo trình có 3.674 đầu sách phục vụ trực tiếp các nhóm ngành, chuyên ngành đào tạo.
- 1.801 đầu sách các môn cơ bản và sách tham khảo.

Nhà trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các Phần mềm Hệ thống Tích hợp Thông tin Quản lý Đào tạo (Phần mềm Quản lý giáo dục) <http://qlgd.huaf.edu.vn> gồm các phân hệ chức năng khác nhau: Quản lý Chương trình đào tạo, Quản lý Kế hoạch học tập, Quản lý Sinh viên, Quản lý thời khóa biểu, Đăng ký học phần, Học phí, Quản lý điểm, Quản lý hồ sơ cán bộ, Nghiên cứu khoa học,... và các phần mềm online khác phục vụ công tác quản lý điều hành của Trường: Phần mềm tra cứu văn bản <http://vanban.huaf.edu.vn>, Phần mềm Thuế thu nhập cá nhân <http://tncn.huaf.edu.vn>, Phần mềm Thư viện điện tử,...

Trang thông tin điện tử chính <http://huaf.edu.vn> (tiếng Việt) đã có trên 8.000.000 lượt truy cập, với 08 liên kết đến các trang web của các khoa. Ngoài ra Trường còn có các trang thông tin điện tử khác như: <http://en.huaf.edu.vn> (tiếng Anh), <http://tuyensinh.huaf.edu.vn> (Tuyển sinh), <http://vieclam.huaf.edu.vn> (việc làm cho sinh viên), <http://cuusinhvien.huaf.edu.vn> (Cựu sinh viên),... phục vụ công tác điều hành quản trị, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Mạng Internet với 03 đường truyền có tốc độ 130 MEGA bit trên giây (Mbps) và Hệ thống mạng nội bộ tốc độ 100Mbps, 1000Mbps được kết nối mạng đến tất

cả các tòa nhà, các khoa, phòng. Hệ thống mạng không dây (wifi) 54Mbps phủ sóng hầu hết các khu giảng đường A, B, C, D, Căn tin, Thư viện, các Khoa, Phòng.

10. Phòng CSVC

Phần 1. Thực trạng của trường

Theo quan điểm của phòng Cơ sở vật chất, phần hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị (mục 1.2.2 ở trang 4 và trang 5) số liệu và địa danh hành chính 05 cơ sở của nhà trường cần thống nhất với số liệu và địa danh ghi ở Báo cáo Tự đánh giá năm 2016 (sẽ đánh giá ngoài vào ngày 30/9/2016). Cụ thể như sau:

+ Ở trang 4, ở dòng đầu tiên nói đến “khu vực Thủy An” cần bổ sung thêm tên địa danh hành chính, cụ thể là “... quy hoạch của Đại học Huế tại khu vực Thủy An, phường An Tây, thành phố Huế dành cho Trường Đại học Nông Lâm ...”. Những lần sau thì có thể không cần phải viết đầy đủ như trên.

+ Ở trang 4, diện tích đang sử dụng “... tại 5 cơ sở của trường là 77,43 ha” chứ không phải là 78,74ha.

+ Ở trang 4 và trang 5, số liệu diện tích cơ sở chính ở 102 Phùng Hưng là “64.500 m²”, diện tích đang sử dụng ở Thủy An là “11.500 m²”; diện tích ở Hương Vân là “450.705 m²”; diện tích ở Tứ Hạ là “199.400 m²”; diện tích ở Phú Thuận là “48.124 m²”

+ Ở trang 5 các số liệu về thư viện có nhiều con số không chính xác. Phòng Cơ sở vật chất xin trích một đoạn mô tả trong tiêu chí 9.1-Tiêu chuẩn 9 quyền Báo cáo Tự đánh giá (phần tiêu chí này do Trung tâm TT-TV viết) để ban biên tập đề án chiến lược tham khảo: “...Hiện nay Thư viện Trường có 5.475 đầu sách với 24.373 bản sách phục vụ nhu cầu của người đọc [H9.9.1.2]. Trong số 5.475 đầu sách có 5.175 đầu sách tiếng Việt, 300 đầu sách tiếng Anh. Sách giáo trình có 3.674 đầu sách phục vụ trực tiếp các chuyên ngành đào tạo, 1.801 đầu sách các môn cơ bản và sách tham khảo...”

Phần 2. Định hướng của trường.

Về cơ bản, cán bộ phòng Cơ sở vật chất nhất trí với những nội dung mà bản dự thảo đề án đã viết ra. Tuy nhiên, phần đánh máy còn nhiều lỗi, xin nêu một ví dụ nhỏ: ở cuối trang 10 “trường Maastricht” bị đánh máy nhầm thành “trường Manstricht”.

B. KẾT LUẬN

“Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030” là một văn bản có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tuyên bố sứ mạng, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển nhà trường trong giai đoạn mới.

Về cơ bản, nội dung và phụ lục của bản **“Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030”** đã được xây dựng đến dự thảo lần thứ 5, đã nhận được khoảng hơn 50 các ý kiến góp ý của các cá nhân và tập thể, bằng nhiều hình thức: thư điện tử, sửa trực tiếp vào các bản dự thảo, bằng văn bản riêng.

Hầu hết cơ bản nhất trí các nội dung chính của dự thảo, chỉ tập trung góp ý chỉnh sửa về văn phạm, chính tả cũng như còn một số khái niệm, chỉ tiêu chưa rõ hoặc chưa khả thi không nên đưa vào văn bản.

Cần xác định rõ hơn về tên trường và định hướng phát triển, tiến trình tiến đến tự chủ hoàn toàn, điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển phù hợp.

Trên đây là tổng hợp ý kiến của các đơn vị; TC-HC báo cáo đến Ban Giám hiệu để có cơ sở khoa học, khách quan, dân chủ trong quá trình xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030”.

BAN XÂY DỰNG KHCLPT



PGS.TS.Lê Văn An

Nơi nhận:

- BGH, Ban XDKHCLPT để báo cáo;
- Thủ trưởng các đơn vị;
- Lưu VT, TC-HC.

TIỂU BAN THƯ KÝ

TS. Đinh Vương Hùng